TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 05- 9-2023
V/v "Tranh chấp về thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Huyền và ông Hồ Viết Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1983; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn HY, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hồ Thị H:

Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1959; có mặt

Địa chỉ: Thôn HY, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 6 năm 2022).

Bị đơn: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: Xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Xuân L, sinh năm 1960; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TT, xã CT, huyện CL, tỉnh Quảng Trị.

- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

-Bà Bùi Thị T, sinh năm 1971; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bố mẹ chị là ông Hồ Xuân L, sinh năm 1960, hiện đang sinh sống tại tỉnh Quảng Trị và bà Bùi Thị T, sinh năm 1964, mất ngày 07/3/2022. Trong quá trình chung sống, bố mẹ chị có sinh được 02 người con là Hồ Thị H và Hồ Thị H; không con nuôi, con riêng. Ông L, bà T chung sống với nhau không tạo dựng được tài sản chung gì. Đến năm 1989, ông L và bà T ly T, ông L chuyển vào Quảng Trị sinh sống cho đến nay. Sau đó, bà T tạo dựng được thửa đất số 1772.5, tờ bản đồ 3 diện tích 680 m^2, trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 480 m^2 (theo bản đồ 299) tại xóm L, xã QH, huyện QL, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 676578 ngày 25/4/1996 mang tên Bùi Thị T. Di sản bà T để lại gồm đất ở, đất vườn, ngôi nhà cấp bốn, các công trình phụ tại thửa đất trên và 775 m^2 đất nông nghiệp tại xóm L, xã QH.

Tại đơn khởi kiện, chị H có yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất nông nghiệp nhưng quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu giải quyết đối với phần đất nông nghiệp.

Nay chị H yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T để lại là thửa đất số 1772.5, tờ bản đồ 3 diện tích 680 m^2 nay là thửa 145, tờ bản đồ số 19, diện tích 672,5 m^2 tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hồ Thị H trình bày:

Chị thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bà T chết và về nguồn gốc tài sản, cũng như di sản thừa kế của bà T để lại là thửa 145, tờ bản đồ số 19 tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Chị cho rằng phần diện tích đất ao 144,7 m^2 liền kề đất vườn là đất nông nghiệp cấp riêng cho chị. Chị ở với bà T từ nhỏ có công chăm sóc, nuôi dưỡng, ma chay cho bà T và các công việc gia đình. Ngoài ra, trước khi mất bà T còn nợ nhiều người, cụ thể: Nợ ông Bùi P số tiền

4.000.000đ; nợ tiền sản phẩm nông nghiệp của xã 2.000.000 đồng; nợ bà Bùi Thị L số tiền 50.000.000đ; nợ bà Bùi Thị T 50.000.000đ. Chị H yêu cầu chia đôi phần nghĩa vụ tài sản trên cho hai chị em.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thì chị H đồng ý nhưng không đồng ý chia đôi di sản mà xin được nhận 2/3 diện tích đất (phần đất có nhà ở), đề nghị giao cho chị H 1/3 diện tích đất (phần đất trống).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân L trình bày :

Ông và bà Bùi Thị T kết hôn với nhau năm 1982, có 02 người con chung là Hồ Thị H và Hồ Thị H. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông vào Quảng Trị sinh sống từ năm 1989 đến nay. Quá trình chung sống ông và bà T không tạo dựng được tài sản chung gì, không nợ ai, và không ai nợ vợ chồng. Diện tích đất tại thửa 145 tờ bản đồ số 19 xóm L, xã QH là tài sản riêng của bà T. Nay chị H yêu cầu chia tài sản thừa kế thì ông đề nghị Tòa án chia di sản cho chị H và chị H; ông từ chối nhận kỷ phần di sản của bà T để lại và xin được xét xử vắng mặt.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Thửa đất số 1772.5, tờ bản đồ 3 diện tích 680 m^2 (trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 480 m^2); theo bản đồ địa chính là thửa 737 tờ bản đồ số 6, diện tích 710 m^2; theo bản đồ địa chính dạng số là thửa 145 tờ bản đồ số 19, diện tích 672,5 m^2 tại xóm L, xã QH, huyện QL. Diện tích đo đạc thực tế là 672,5 m^2. Tứ cận cụ thể: Phía Bắc giáp thửa 128 của ông Hồ L dài 35,17m; phía Nam giáp thửa 154 của ông Bùi T dài 34,96m; phía Đông giáp đường xóm dài 20,13 m; phía Tây giáp thửa 544 (tờ số 5) của ông Hồ L dài 17,37 m.

Giá trị thửa đất tại thời điểm định giá: Đất ở là 1.200.000đồng/m^2 x 200 m^2 = 240.000.000đ; đất vườn là 600.000 đồng/m^2 x 472,5 m^2 = 283.500.000đ, tổng cộng 523.500.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp bốn 3 gian, nhà bếp, nhà chăn nuôi, bể cạn, giếng, 15 cây chuối to, 32 cây chuối nhỏ, 03 gốc sung nhỏ, 03 gốc táo, 02 khóm mía. Các tài sản này đều của bà T để lại, nhưng không ai yêu cầu giải quyết.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn chị Hồ Thị H nộp 5.000.000đ nhưng chị H tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, không yêu cầu chị H phải chi trả.

Kết quả xác minh tại UBND xã QH:

Ông Hồ Xuân L và bà Bùi Thị T chung sống với nhau từ năm 1982, nhưng hiện tại trong hồ sơ lưu tại xã không có nên không biết ông bà có đăng ký kết hôn hay không. Ông bà có 02 người con chung là Hồ Thị H và Hồ Thị H. Tại sổ địa chính và bản đồ 299 (đo vẽ khoảng năm 1980 – 1984) thể hiện thửa đất đang tranh chấp là thửa 1772.5 có diện tích 680 m^2. Tại bản đồ địa chính, thể hiện diện tích 710 m^2 và tại bản đồ dạng số, thể hiện diện tích 672,5 m^2 đều có chủ sử dụng đất là bà Bùi Thị T. Nguyên nhân thay đổi số đo diện tích là do sai số đo đạc theo từng thời kỳ. Tất cả các bản đồ đều thể hiện bao gồm cả phần diện tích đất ao 114,7 m^2. Phần đất này được xác định là đất vườn liền kề đất ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T tại sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm đất ở 200 m^2 và đất vườn 480 m^2. Trước đây bà T có nợ UBND xã tiền thuế, quỹ và đóng góp xây dựng cơ bản là 2.287.200đ, nhưng hiện nay chị Hồ Thị H đã đóng góp đầy đủ cho bà T.

Tại biên bản xác minh ông Bùi Đình P, xóm trưởng xóm L, xã QH cho biết: Khi bà T khi còn sống, không vay nợ ông 4.000.000đ như chị H trình bày. Sau khi ông L đi vào Quảng Trị sinh sống, bà T một mình nuôi chị H, chị H đến khi cả 2 chị đi lấy chồng. Năm 2020, chị H có mâu thuẫn với chồng nên đã về ở với bà T. Quá trình bà T ốm thì chị H có chăm sóc bà T.

Tại biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị L cho rằng bà T có vay tiền của bà Thường, bà Lệ mỗi người 50.000.000đ, Tòa án đã thông báo yêu cầu bà Thường và bà T cung cấp tài liệu thể hiện việc bà T vay tiền nhưng quá thời hạn thông báo bà T và bà L không có giấy tờ gì chứng minh.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chia tài sản thừa kế của bà T để lại là thửa đất thửa 145 tờ bản đồ số 19, diện tích 672,5m^2 tại xóm L, xã QH, huyện QL như sau: Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất 284,4m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất của chị Hồ Thị H được chia, dài 35,32m; Phía Nam giáp thửa 154 của ông Bùi Trí dài 34,96m; Phía Đông giáp đường xóm dài 8 m; Phía Tây giáp thửa 544 (tờ số 5) của ông Hồ Lương dài 8 m.

Chị Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần diện tích đất 389,1 m^2 có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 128 của ông Hồ L dài 35,17m ; Phía Nam giáp phần đất của chị Hồ Thị H được chia dài 35,32m; Phía Đông giáp đường xóm dài 12,13m (các cạnh 9,24 m + 2,89m); Phía Tây giáp thửa 544 (tờ số 5) của ông Hồ L dài 9,37m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 147, 227, 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 167, 169 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của chị Hồ Thị H và chị Hồ Thị H về việc phân chia di sản thừa kế; Đình chỉ yêu cầu về chia di sản thừa kế là 775m^2 đất nông nghiệp mang tên Bùi Thị T tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An của chị Hồ Thị H. Không xem xét yêu cầu của bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị L do hai bà không cung cấp chứng cứ; buộc chị H phải chịu án phí về phần di sản mình được hưởng, chị H là hộ nghèo nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bị đơn chị Hồ Thị H và bất động sản đang tranh chấp có địa chỉ tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, các bên không có thỏa thuận về giải quyết tranh chấp. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân L, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Bà Bùi Thị T chết ngày 07/3/2022 (theo giấy chứng tử số 66/TLKT-BS ngày 09/3/2022). Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật Dân sự xác định thời điểm mở thừa kế của bà T là ngày 07/3/2022. Chị H là con của bà T, ông L; ngày 12 tháng 6 năm 2022,

chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là đang còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định di sản thừa kế của bà Bùi Thị T để lại là thửa đất số 1772.5, tờ bản đồ 3 diện tích 680m^2 (trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 480m^2) theo bản đồ địa chính là thửa 737 tờ bản đồ số 6, diện tích 710m^2, theo bản đồ địa chính dạng số là thửa 145 tờ bản đồ số 19, diện tích 672,5m^2 tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn đã cũ, nhà bếp, giếng, bể cạn, đất nông nghiệp. Tuy nhiên, chị H chỉ yêu cầu chia tài sản là 672,5m^2 đất ở, đất vườn. Tài sản trên đất cũng như đất nông nghiệp, các đương sự không ai có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

Do chị Hồ Thị H rút yêu cầu phân chia đất nông nghiệp nên đình chỉ đối với yêu cầu chia đất nông nghiệp của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hồ Thị H có yêu cầu tính chia tiền công chăm sóc bà T và tiền bà T còn nợ khi còn sống là 117.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa chị không yêu cầu nữa và đồng ý thỏa thuận với chị H về việc phân chia di sản thừa kế của bà T nên đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình xác minh thấy rằng bà T có nợ UBND xã QH các loại thuế quỹ nhưng số tiền này chị H đã trả và chị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Thường, bà Lệ cho rằng bà T có nợ của bà Thường, bà Lệ mỗi người 50.000.000đ; Tòa án đã thông báo cho bà Thường, bà Lệ nộp chứng cứ, quá thời hạn thông báo nhưng không ai có giấy tờ gì nộp cho Tòa án để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị L có tài liệu chứng minh bà Bùi Thị T vay tiền thì bà Thường, bà Lệ có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.3] Về việc chia tài sản thừa kế theo pháp luật: Bà Bùi Thị T trước khi chết không để lại di chúc, phần di sản của bà T để lại chưa chia. Do đó hội đồng xét xử xác định chia tài sản thừa kế của bà T để lại theo pháp luật như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.4] Về người thừa kế: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự những người thuộc hàng thừa kế của bà T gồm 03 người: Chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị H và ông Hồ Xuân L. Tuy nhiên, ông L đã có đơn xin từ chối nhận di sản. Vì vậy xác định người thừa kế được hưởng di sản trong vụ án này là chị Hồ Thị H và chị Hồ Thị H.

[2.5] Về việc phân chia di sản:

Thửa 145, tờ bản đồ số 19 có diện tích đo thực tế là 672,5m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 472,5m^2 đất vườn tại xóm L, xã QH, huyện QL, tổng giá trị thửa đất là 523.500.000đ. Không ai được tính công sức đối với thửa đất nói trên, chị H hiện nay đang ở trên ngôi nhà của bà T để lại. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được cách phân chia di sản. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Do đó, cần chia thửa đất trên cho chị H được sử dụng 283,4m^2 tại phần đất trống và chị H được hưởng 389,1m^2 phần đất có nhà ở và các công trình trên đất cho chị H tiếp tục sử dụng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị H tự nguyện chịu cả nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu 11.502.000đ án phí dân sự sơ thẩm của số tiền mình được hưởng là 230.040.000đ.

Chị Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuy nhiên, chị H là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015. Các Điều 167, 169, 210 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Di sản của bà Bùi Thị T là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1772.5, tờ bản đồ 3 diện tích 680m^2 (trong đó đất ở 200m^2 và đất vườn 480m^2) theo bản đồ địa chính là thửa 737 tờ bản đồ số 6, diện tích 710m^2, theo bản đồ địa chính dạng số nay là thửa 145 tờ bản đồ số 19, diện tích 672,5m^2 tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử

dụng đất số I 676578 ngày 25 tháng 4 năm 1996 (vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 175) mang tên Bùi Thị T. Di sản được chia theo pháp luật, cụ thể :

2.2 Giao cho chị Hồ Thị H được quyền sử dụng 283,4m^2 (trong đó 100m^2 đất ở; 183,4 m^2 đất vườn), có giá trị 230.040.000đ tại thửa 1772.5 tờ bản đồ số 3 nay là thửa 145 tờ bản đồ 19 xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất của chị Hồ Thị H được chia, dài 35,32m ;
- Phía Nam giáp thửa 154 của ông Bùi T dài 34,96m (các cạnh 13,98m + 13,18m + 6,78m + 1,02m);
- Phía Đông giáp đường xóm dài 8 m;
- Phía Tây giáp thửa 544 (tờ số 5) của ông Hồ L dài 8m.

2.3 Giao cho chị Hồ Thị H được quyền sử dụng 389,1 m^2 (trong đó 100 m^2 đất ở; 289,1 m^2 đất vườn), có giá trị 293.460.000 đồng tại thửa 1772.5 tờ bản đồ số 3 nay là thửa 145 tờ bản đồ 19 xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Tứ cận:

- Phía Bắc giáp thửa 128 của ông Hồ L dài 35,17m (các cạnh 19,99 m + 0,61m + 2,14 m + 4,34m + 8,70m);
- Phía Nam giáp phần đất của chị Hồ Thị H được chia dài 35,32m;
- Phía Đông giáp đường xóm dài 12,13m (các cạnh 9,24m + 2,89m);
- Phía Tây giáp thửa 544 (tờ số 5) của ông Hồ L dài 9,37 m.

3. Đình chỉ phần yêu cầu chia 775m^2 đất nông nghiệp mang tên Bùi Thị T tại xóm L, xã QH, huyện QL, tỉnh Nghệ An của nguyên đơn chị Hồ Thị H.

Các bên đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.502.000đ (mười một triệu năm trăm L hai nghìn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007973 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hoàn trả lại cho chị H 2.498.000đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Chị Hồ Thị H là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5.Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
-VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà